

Mật Tạng Bộ 2_ No.939 (Tr.91 _Tr.95)

PHẬT NÓI KINH
ĐẠI THỪA QUÁN TƯỚNG MẠN NOA LA TỊNH CÁC NỂO ÁC
QUYỀN HẠ

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộ
Khanh_ Minh Giáo Đại Sư (kẻ bầy tôi là) PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Thích Ca Phật Chân Ngôn là:

**Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) tát lý-phộc phộc la noa, vĩ du đà nễ, mẫu, hồng,
phát tra (2)**

**OM SARVA VID, SARVA AVARAṆA VIŚODHANE, MU, HŪM
PHAT**

Kim Cương Đại Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) hồng, hồng (2)

OM SARVA VID, HŪM HŪM

Bảo Sinh Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) đát-lãm, đát-la tra (2)

OM SARVA VID, TRĀM TRĀT

Liên Hoa Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) hột-lăng (2)

OM SARVA VID, HRĪH

Yết Ma Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) ác ác (2)

OM SARVA VID, AḤ AḤ

Quang Minh Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) án, án (2)

OM SARVA VID, OM OM

Bảo Tràng Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) hồng, hồng (2)

OM SARVA VID, HŪM HŪM

Kim Cương Lợi Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) đề, phát tra (2)

OM SARVA VID, DHĪ PHAT

Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) cật-lê, phát tra (2)

OM SARVA VID, KRĪM PHAT

Hý Bồ Tát Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) ma hạ phộc nhật-lỗ nột-bà phộc (2) na na , ba la nhĩ đa, bố nhĩ, hồng (3)

OM SARVA VID, MAHĀ-VAJRA-UDBHAVA, DĀNA -PĀRAMITĀ PŪJE HŪM

Man Bồ Tát Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) ma hạ phộc nhật-lỗ nột-bà phộc (2) thi la, ba la nhĩ đa, bố nhĩ-duệ, đát-lãm (3)

OM SARVA VID, MAHĀ-VAJRA-UDBHAVA, ŚĪLA -PĀRAMITĀ PŪJYE TRĀM

Ca Bồ Tát Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) ma hạ phộc nhật-lỗ nột-bà phộc (2) sạn đễ, ba la nhĩ đa, bố nhĩ dĩa, hột-lãng (3)

OM SARVA VID, MAHĀ-VAJRA-UDBHAVA, KṢĀNTI-PĀRAMITĀ PŪJYE HRĪḤ

Vũ Bồ Tát Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) ma hạ phộc nhật-lỗ nột-bà phộc (2) vi lý-già, ba la nhĩ đa, bố nhĩ-dĩa, ác (3)

OM SARVA VID, MAHĀ-VAJRA-UDBHAVA, VĪRYA-PĀRAMITĀ PŪJYE AḤ

Hương Bồ Tát Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) tát lý-phộc bá dĩa, vĩ du đà nễ (2) đạt ma đạt ma (3) độ ba dĩa đình na, ba la nhĩ đa, bố nhĩ-dĩa, hồng, phát tra (4)

OM SARVA VID, SARVĀPĀYA VIŚODHANE, DHARMA DHARMA-DHUPĀYA DHYĀNA-PĀRAMITĀ PŪJYE HŪM PHAṬ

Hoa Bồ Tát Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) tát lý-phộc nột lý-nga đễ, du đà nễ (2) cật-lý du bát, cật-lý thiết thế na nễ (3) bố sắt-ba, vĩ lỗ cát nễ (4) bát-la nghệ dĩa, ba la nhĩ đa, bố nhĩ-dĩa (5) đát-lãm, hồng, phát tra (6)

OM SARVA VID, SAVA DURGATE ŚODHANE, KLEŚA UPAKLEŚA CCHEDANI PUŚPA-VILOKINI PRAJÑA -PĀRAMITĀ PŪJYE TRĀM HŪM PHAṬ

Đăng Bồ Tát Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) tát lý-phộc bá dĩa, vĩ du đà nễ (2) nghệ-dĩa na, lỗ ca, ca lý (3) bát-la ni địa, ba la nhĩ đa , bố nhĩ-dĩa (4) hột-lãng, hồng, phát tra (5)

OM SARVA VID, SARVĀPĀYA VIŚODHANE, JÑĀNA-LOKA KARE PRAṆIDHANA-PĀRAMITĀ PŪJYA HRĪḤ HŪM PHAṬ

Đồ Hương Bồ Tát Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) tát lý-phộc bá dĩa hiến đà na thiết nễ (2) phộc nhật-la hiến độ bá dĩa, ba la nhĩ đa, bố nhĩ-duệ (3) ác, hồng, phát tra (4)

OM SARVA VID, SARVĀPĀYA GANDHA NĀŚANI VAJRA-GANDHA UPĀYA-PĀRAMITĀ AḤ HŪM PHAṬ

Kim Cương Câu Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) na la ca nga đa dã (2) a ca lý-sa ni, hồng, nhược, phát tra (3)

OM SARVA VID, NĀRAKA-GATYA AKARṢAṆI HŪṀ JAḤ PHAT

Kim Cương Sách Bò Tát Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) tát lý-phộc na la ca (2) ốt đà la ni (3) hồng, hồng, phát tra (4)

OM SARVA VID, SARVA NĀRAKA UDDHARAṆI HŪṀ HŪṀ PHAT

Kim Cương Tỏa Bò Tát Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) tát lý-phộc bá dã, mãn đà na mô tả nễ, hồng, tông, phát tra

OM SARVA VID, SARVĀPĀYA BANDHANA MOCANI HŪṀ VAṀ PHAT

Kim Cương Linh Bò Tát Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc, vĩ đốt (1) tát lý-phộc bá dã nga đễ (2) nga hạ na, vĩ du đạt nễ, hồng, hô, phát tra (3)

OM SARVA VID, SARVĀPĀYA-GATI, GAHANA VIŚODHANE HŪṀ HOḤ PHAT

Chân Ngôn của 16 vị Đại Bồ Tát

Từ Thị Bồ Tát Chân Ngôn là:

Án, muội hạ la noa dã, sa-phộc hạ (1)

OM_ MAITREYA HARAṆAYA SVĀHĀ

Bất Không Kiến Bồ Tát Chân Ngôn là:

Án, a mô kỳ (1) a mô già na lý-thế, hồng (2)

OM_ AMOGHE AMOGHA-DARŚE HŪṀ

Trừ Nhất Thiết Tội Chương Bồ Tát Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc bá dã nhạ hạ (1) tát lý-phộc bá dã du đạt nễ, hồng (2)

OM_ SARVĀPĀYAJAḤA, SARVĀPĀYA ŚODHANE HŪṀ

Phá Nhất Thiết Ưu Ám Bồ Tát Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc du ca đạt mô, nễ lý-già đa na ma đễ, hồng (1)

OM_ SARVA ŚOKATAMO-NIRGHĀTANA-MATI HŪṀ

Hương Tượng Bồ Tát Chân Ngôn là:

Án, hiền đà hạ tất-đễ nễ, hồng (1)

OM_ GANDHA-HASTINI HŪṀ

Dũng Mãnh Bồ Tát Chân Ngôn là:

Án, thú lăm nga di, hồng (1)

OM_ SURAMGAMI HŪṀ

Hư Không Tạng Bồ Tát Chân Ngôn là:
Án, nga nga nễ (1) nga nga na , lộ tả nễ, hồng (2)
OM_ GAGANE GAGANA-LOCANE HŪM

Trí Tràng Bồ Tát Chân Ngôn là:
Án, nghe-dã na, kế đồ (1) nghe-dã na, phộc đễ, hồng (2)
OM_ JÑĀNA-KETU JÑĀNA-VATI HŪM

Cam Lộ Quang Bồ Tát Chân Ngôn là:
Án, a mật-lý đa, bát-la tỳ (1) a mật-lý đa, phộc đễ, hồng (2)
OM_ AMṚTA-PRABHE AMṚTA-VATI HŪM

Nguyệt Quang Bồ Tát Chân Ngôn là:
Án, tán nại-la tất-thê (1) tán nại-la miểu phộc lộ cát đế, sa-phộc hạ (2)
OM_ CANDRASTHE CANDRA-VYAVALOKITE SVĀHĀ

Hiền Hộ Bồ Tát Chân Ngôn là:
Án, bạt nại-la phộc đễ (1) bạt nại-la bá lý, hồng (2)
OM_ BHADRA-VATI BHADRA-PĀLE HŪM

Xí Thịnh Quang Bồ Tát Chân Ngôn là:
Án, nhập-phộc lý nễ (2) ma hạ nhập-phộc lý nễ, hồng (2)
OM_ JVALINI MAHĀ-JVALINI HŪM

Kim Cương Tạng Bồ Tát Chân Ngôn là:
Án, phộc nhật-la nga lý-tỳ, hồng (1)
OM_ VAJRA-GARBHE HŪM

Vô Tận Ý Bồ Tát Chân Ngôn là:
Án, ác xoa duệ, phát tra (1) ác xoa dã, yết lý-ma phộc la noa (2) vĩ du đạt nễ, sa-phộc hạ (3)
OM_ AKṢAYE PHAT, AKṢAYA KARMA-AVARAṆA VIŚODHANE SVĀHĀ

Biện Tích Bồ Tát Chân Ngôn là:
Án, bát-la đễ bà nễ (1) ma hạ bát-la đễ bà nễ (2) bát-la đễ bà na cô trí, sa-phộc hạ (3)
OM_ PRATIBHĀNE -MAHĀ-PRATIBHĀNE_ PRATIBHĀNA-KUṬI SVĀHĀ

Phổ Hiền Bồ Tát Chân Ngôn là:
Án, tam mãn đa bạt nại-lý, hồng (1)
OM_ SAMANRA-BHADRE HŪM

Mỗi khi A Xà Lê muốn trì tụng Chân Ngôn vi diệu của chư Phật với Đại Bồ Tát thời khởi ba loại Tam Ma Địa tương ứng, quán tưởng Hiền Thánh được hiện trước mặt xong mới tác **Khai Môn Án**. Án ấy là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, duỗi hai

ngón trở, hai ngón út cùng câu móc nhau như cái khóa. Liên tụng **Khai Môn Chân Ngôn** là:

Án, tát lý-phộc vĩ đốt (1) phộc nhật-la nột-phộc lỗ nột-già tra dã, hồng (2)
OM SARVA VID, VAJRA-DVĀRA UDGHĀTAYA HŪM
Tụng Chân Ngôn này xong, liền kéo bàn tay như thế mở khóa

Sau đó tác **Thuyết Pháp Kim Cương Án**. Hai tay tác Kim Cương Phộc, lại sửa bàn tay trái búng ngón tay. Lúc tác Án thời tưởng Thích Ca Phật, miệng tụng Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc vĩ đốt (1) Phộc nhật-la tác cật-lý, hồng (2)
OM_ SARVA VID, VAJRA-CAKRI HŪM
Như vậy làm xong, tùy ý trì tụng.

Lại nữa A Xà Lê đã tu như trước, quán tưởng Mạn Noa La: Bản Thân, tướng mạo, Chân Ngôn, Án Khế của chư Phật Bồ Tát đều nên một ngày, ba thời riêng tác Quán Tưởng ấy, được Tưởng ứng xong mới có thể vận tâm làm mọi loại Pháp. Như Kinh này: hoặc một tháng, hoặc ba tháng cho đến sáu tháng tu **Tiên Hạnh** ấy khiến cho tinh thực. Luôn luôn câu uy lực của chư Phật Hiền thánh gia bị thị hiện cảnh tượng được cát tường xong, sau đó bắt đầu chọn đất làm Mạn Noa La với dùng phẩn vẽ hàng Thánh Hiền.

Lại nữa, A Xà Lê muốn xây dựng Mạn Noa La, nên lựa chọn Thắng Địa hoặc chùa, quán trọ hoặc nơi ở thôn xóm, vườn, rừng... Hoặc được đất đã từng kết Giới thì chẳng nên tu trì. Như đất chưa kết Giới thì nên đào sâu xuống đến cở, hoặc đến rón hoặc đến đầu gôi. A Xà Lê nhìn kỹ, nếu có tro, than, vỏ trấu, xương cốt cho đến loại cát, đá thì nên trừ bỏ hết. Riêng dùng hương kèm với đất tốt lấp đầy và nện cho thật bằng phẳng.

A Xà Lê tụng Chân Ngôn của **Phật Nhân Bồ Tát, Kim Cương Dạ Xoa Minh Vương** với **Cam Lộ Quân Trà Lê** gia trì vào nước rưới vẩy làm sạch đất ấy. A Xà Lê liền ở chỗ đó nhập vào **Kim Cương Phát Khiển Chư Ma Tam Ma Địa**. Lại tưởng trong tâm theo Chân Ngôn sinh ra **Đại Phẫn Nộ Minh Vương** có hai mắt như mặt trời, mặt trăng, tay cầm chày Yết Ma tỏa lửa sáng rực, làm **bước đi Kim Cương** (Kim Cương Bộ) đi trên đất của Mạn Noa La cho đến **vòng vây của Kim Cương** (Kim Cương Vi)

Lại nữa, kết **Căn Bản Án**, tụng **Khiển Ma Chân Ngôn** với xưng chữ **Hồng** (HŪM) như thế múa theo bên phải với như tướng tự tại của Minh Vương xoay chuyển quanh đất ấy. Tụng Chân Ngôn **Phát Khiển Nhất Thiết Ma**. Chân Ngôn là:

Án, phộc nhật-la, kế lý cát lý (1) tát lý-phộc, vĩ già-năng, mẫn đà, hồng phát tra (2)
OM_ VAJRA-KĀLIKĪLE SARVA VIGHNAM BANDHA HŪM PHAT

Tiếp tụng **Kim Cương Quyết Chân Ngôn**, dùng cây cọc đóng xuống đất. Chân Ngôn là:

Án, kiệt kiệt (1) già đát dã già đát dã (2) tát lý-phộc nột sắt-điều (2) phát tra (3) kế la dã kế la dã (4) tát lý-phộc bá báng phát tra (5) phộc nhật-la kế la (6) phộc nhật-la đạt lỗ nghe-dã, bát dã đề, sa-phộc hạ (7)

OM GAḤ GA GAḌĀYA GAḌĀYA SARVA DUṢṬAM PHAṬ KILĀYA KILĀYA, SARVA PĀPAM PHAṬ, VAJRA-KILA VAJRA-DHĀRA UKHYA-BHĀYA-DI SVĀHĀ

A Xà Lê làm Mạn Noa La, tuyền được Thắng Địa xong, tức trước tiên dùng lượng lớn nhỏ của việc tạo làm. Nếu vì Quốc Vương thì nên làm 100 khuỷu tay hoặc 50 khuỷu tay. Nếu vì Đại Thần cho đến thứ dân thì có thể làm 25 khuỷu tay hoặc 12 khuỷu tay. Nếu không có sức thì làm một khuỷu tay.

Xong lượng độ như vậy. Liên dùng Cồ Ma Di (Phân bò) xoa tô mặt đất, lại dùng nước **Gia Trì Ngũ Tịnh** để rửa sạch, lại dùng hương xoa bôi để xoa tô nghiêm sức. Sau đó A Xà Lê tắm gội (mộc dục) khiết tịnh, dùng hương xoa bôi thân, mặc áo mới sạch, đính đội mũ báu với dùng vòng hoa, trang sức nghiêm khiết xong. Tức ở đất của Mạn Noa La, trước tiên làm Hộ Ma. Nên dùng củ ẩm ướt có gai, vật có tám góc cạnh dài tám ngón tay. Lại dùng thuốc độc, hạt cải, máu, bột xương người... dùng dầu có vị cay đắng điều hòa cùng với củ ẩm ướt đồng thiêu đốt làm Hộ Ma. Dùng tay phải tác Đàn Chi (búng ngón tay), tụng Chân Ngôn là:

Ấn, tát lý-phộc vĩ đốt (1) phộc nhật-la tam ma nhạ, nhược, hồng, hàm, hô
(2)

OM SARVA VID, VAJRA-SAMAJA JAḤ HŪM VAM HOḤ

Nếu được đất đã Kết Giới thì chẳng nên lấp đầy nghiêm sức. Tức trước tiên ở đất ấy, lượng độ rộng rãi bằng khoảng một bộ da của con bò, dùng Cồ Ma Di xoa tô nghiêm sức, ở bên trên y theo Pháp đặt năm bình Át Già. Làm Pháp Hộ Ma nên dùng củ ẩm ướt với cây Hoàng Tùng (gỗ thông vàng) dài 12 ngón tay với nhóm mè đen, đại mạch, tiểu mạch, cơm gạo tẻ, bơ...

Trước tiên làm Hộ Ma thì nên cáo với **Địa Thiên** rằng: “*Nay tôi vì Quốc Vương hoặc Đại Thần cho đến Đệ Tử, hàng quyên thuộc ... ở đất này làm Mạn Noa La . Vì lợi ích cho nên các ông, Địa Thiên hãy phát tâm Từ Bi nên vì tôi mà làm việc thiện*”

Như vậy Hộ Ma xong thì hay thành tất cả việc.

A Xà Lê ấy, sau đó cùng với Trợ Bạn cầm sợi dây giăng ngang bằng Mạn Noa La, sợi dây dùng năm màu, lấy nước thơm để qua một đêm ngâm tẩm, sau đó để dây trong vật khí bằng vàng, hai tay nâng lên trì tụng Chân Ngôn của năm Phật Đỉnh gia trì phụng hiến năm Đức Phật. Lại từ năm Đức Phật lui về, xin lấy dây này: “*Nguyện xin Đức Phật Từ Bi cùng ban cho con*”, liền đem năm màu hợp làm một.

Tụng **Già Đà** (Gāthā:Kệ) rằng:

Phân biệt tất cả Pháp

Nay đúng lúc tương nhiếp

Lý chân thật không hai

Dây này cũng như vậy

Lại nữa, số dài ngắn của dây này tùy theo lượng của Mạn Noa La, đều hợp thành xong, liền tụng Chân Ngôn gia trì. Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la tố đất-la, a ca lý-sa dã, mạn noa lý, hồng (1)

OM VAJRA-SUTRA AKARṢĀYA MAṆḌALI HŪM

A Xà Lê như vậy gia trì dây xong, liền cùng Trợ Bạn đứng ở góc Tây Nam của Mạn Noa La, tụng Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la tố đất-la (1) ma ca lý-sa dã, mặt đễ, cật-la ma, hồng (2)

OM_ VAJRA-SUTRAM AKARŚĀYA MATI-KRAMA HŪM

Tụng Chân Ngôn xong, A Xà Lê cầm một đầu của sợi dây hướng mặt về phía Đông rồi đi đến đứng ở góc Đông Nam, Trợ Bạn cầm một đầu của sợi dây hướng về phía Bắc rồi đi đến đứng ở góc Tây Bắc, giăng dây xong. Tiếp A Xà Lê hướng về phía Bắc đi đến góc Đông Bắc, Trợ Bạn hướng về phía Nam đi đến góc Tây Nam, giăng dây. Như vậy xoay chuyển, nhiều quanh bốn phương, giăng dây. Lớp thứ hai, lớp thứ ba cũng đồng theo thứ tự này, giăng dây. Nếu y theo Pháp thì gọi là **Cụ Túc Mạn Noa La**. Nếu chẳng y theo Pháp thì A Xà Lê cùng với Trợ Bạn đều có lỗi lầm.

Mạn Noa La ấy có bốn cửa ở bốn phương, mỗi cửa đều có lầu. Ở trên Môn Lâu (lầu trên cửa) vẽ mặt trời, mặt trăng với Anh Lạc báu, tùy ý nghiêm sức.

Ở chính giữa vẽ bánh xe có tám cây cãm. Bên ngoài bánh xe vẽ vòng vây Kim Cương. Trước tiên ở tâm bánh xe vẽ **Thích Ca Phật**, cây cãm phía Đông vẽ **Kim Cương Đại Phật Đỉnh Như Lai**, cây cãm ở phía Nam vẽ **Bảo Sinh Phật Đỉnh**, cây cãm ở phía Tây vẽ **Liên Hoa Phật Đỉnh**, cây cãm ở phía Bắc vẽ **Yết Ma Phật Đỉnh**. Như vậy vẽ xong bốn Đức Như Lai

Tiếp từ góc Đông Nam vẽ **Quang Minh Phật Đỉnh**, góc Tây Nam vẽ **Bảo Tràng Phật Đỉnh**, góc Tây Bắc vẽ **Kim Cương Lợi Phật Đỉnh**, góc Đông Bắc vẽ **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh**. Như vậy ở tám cây cãm của bánh xe, vẽ xong tám Đức Như Lai

Tiếp ở bốn góc của bánh xe, vẽ bốn vị **Bồ Tát Thân Cận**
Ở lớp thứ hai, bốn góc vẽ bốn vị Bồ Tát: **Hý, Man, Ca, Vũ**
Ở lớp thứ ba, bốn góc vẽ bốn vị Bồ Tát: **Hương, Hoa, Đăng, Đồ**
Ở bốn cửa vẽ bốn vị Bồ Tát **Hộ Môn**

Tiếp ở bốn phương vẽ 16 vị Đại Bồ Tát
Ở bên ngoài bốn cửa, đều ở hai bên vẽ voi với sư tử.
Ở hai bên cửa vẽ tám **Cát Tường**
Ở bên trong vòng núi, vẽ tám vị **Hộ Thế**

Phương Đông vẽ **Đế Thích Thiên**, tay phải cầm chày Kim Cương, tay trái để ở eo lưng, cỡi voi trắng sáu ngà. Hai bên vẽ Thiên Nữ, vị thứ nhất tên là **Thiệt Thi**, vị thứ hai tên là **Ô Lý Phật Thi**.

Phương Đông Nam vẽ **Hỏa Thiên**, thân màu đỏ, hào quang rực rỡ, tay phải cầm bình Quân Trì, tay trái cầm cây trượng báu, cỡi dê đen (cổ dương) màu đỏ

Phương Nam vẽ **Dạ Ma Thiên**, thân màu xanh lục, tay trái nắm quyền để cạnh eo lưng, tay phải cầm cây trượng báu, cỡi trâu. Hai bên vẽ tượng **Trung Thiên**

Phương Tây Nam vẽ **La Sát Chủ**, thân màu đỏ có ánh sáng như đám lửa, tay phải cầm cây kiếm, tay trái để cạnh eo lưng, dùng Quỷ làm Tòa ngồi.

Phương Tây vẽ **Thủy Thiên**, thân màu trắng vàng, trên đầu hiện đầu Rồng, tay phải cầm sợi dây, tay trái cầm Diệu Bảo, cỡi cá Ma Kiệt màu đỏ. Hai bên vẽ Long Nữ với hàng quyền thuộc.

Góc Tây Bắc vẽ **Phong Thiên**, thân như màu hư không, tay cầm cây phan, cỡi hươu

Phương Bắc vẽ **Dạ Xoa Chủ**, thân như màu vàng rờng, tay phải cầm cành cây báu, tay trái cầm cái túi báu, cỡi ngựa trắng. Hai bên vẽ Dạ Xoa Nữ

Góc Đông Bắc vẽ **Bộ Đa Chủ**, thân như màu tro, tay phải cầm Tam Xoa, tay trái cầm Kim Cương Tử Quân Trì, cỡi bò vàng.

Ở phía trước Mạn Noa La, mặt bên dưới vẽ **Địa Thiên**, thân như màu vàng ròng, hai tay để trước ngực cầm bình Cam Lộ, ngồi trên tòa hoa sen

Ở bên phải vẽ **A Tu La**, thân màu đen đỏ, đeo mặc giáp trụ, tay cầm cây kiếm bén nhọn, cỡi **Rồng Cô Lý Ca** (Kulika-Nāga)

Ở bên trái vẽ **Đại Long Vương**, thân màu trắng ngồi ở Bản Tọa, tay cầm vật khí báu chứa đầy mọi thứ báu với vẽ hai Long Nữ, thân màu vàng, đủ tướng đoan nghiêm, tay cầm Kinh Bát Nhã, tràng hạt, bình Quân Trì với tướng Thí Nguyễn.

Ở phía trước Mạn Noa La, mặt bên trên, bên trái vẽ vành mặt trời, bên phải vẽ mặt trăng tròn

Ở bên ngoài vòng núi, góc Đông Nam vẽ tám Địa Ngục của nhóm A Tỳ, góc Tây Nam vẽ nẻo Nga Quý, góc Tây Bắc vẽ nẻo của mọi loại súc sinh, góc Đông Bắc vẽ nẻo của hàng người.

Như vậy vẽ xong.

A Xà Lê ở trong Mạn Noa La hiến cúng Câu Ma Hương với mọi thứ hương hoa, thức ăn uống. Lại dùng nước thơm chứa đầy trong bình At Già, tụng **Kim Cương Dạ Xoa Chân Ngôn** gia trì với mọi thứ vật đã dùng trong Mạn Noa La đều dùng **Bản Chân Ngôn** gia trì xong phụng hiến chư Hiền Thánh thầy đều khiến cho vui vẻ.

Lại dùng **Kim Cương Dạ Xoa Chân Ngôn** gia trì Mạn Noa La xong, liền tụng chữ **Hồng** (HŪM) bốn biến, lấy cây cọc Kim Cương ra khỏi chỗ Kết Giới. Liền tìm phần năm màu lấp đầy (chỗ hồng trên mặt đất khi rút cây cọc ra) rồi nện cho thật bằng phẳng.

Sau đó A Xà Lê từ góc Đông Bắc, bắt đầu đem phần năm màu xuống làm tượng của chư Phật Hiền Thánh. Ngay lúc đem phần xuống thời dùng theo thứ tự: Trắng, Xanh, Đỏ, Xanh Lục, chính giữa dùng màu vàng làm bánh xe có tám cãm. Phương Đông thuần màu trắng, phương Nam màu xanh đậm, phương Tây màu đỏ, phương Bắc màu xanh lục. Như vậy xong phần của tượng Hiền Thánh.

A Xà Lê lại đồng với lúc trước quán tưởng **Hư Không Mạn Noa La**. Trước tiên hai tay dùng **Kim Cương Chỉ** làm tướng Kiên Ngưỡng với tướng Chân Ngôn khởi **Hư Không Mạn Noa La**. Lại đồng với lúc trước tướng hợp làm một thành **Tất Cánh Mạn Noa La** xong

Tức lại ở bên ngoài cửa Nam của Mạn Noa La, làm riêng một cái Đàn nhỏ, bốn phương rộng rãi, có thể rộng một khuỷu tay, dùng Cồ Ma Di (Gomayi:phân bò) chưa roi xuống đất xoa tô Đàn. Sau đó dùng nước Ngũ Tịnh rưới vẩy sạch. Lại dùng Bạch Đàn Hương vẽ Mạn Noa La ở chính giữa Đài như tướng mặt trăng tròn, ở bên trên hiến hương hoa, thức ăn uống, mọi thứ cúng dường cho đến nhóm Xuất Sinh.... Lại bày cỏ Cát Tường màu xanh, bên trên để bình Át Già, bình chứa đầy báu, năm loại lúa gạo (ngũ cốc), năm loại thuốc với cãm mọi thứ cành lá của cây có hoa quả, cột buộc cái áo màu xanh ở trên cỏ bình, rồi dùng Bản Chân Ngôn gia trì. Nguyễn dùng nước này làm lợi ích lớn. Lại tụng Bản Chân Ngôn gia trì vào hạt cái trắng với hoa màu trắng, đánh chạm vào người hoặc chạm vào tên của người với quần áo. Lại dùng nước Át Già rưới vẩy. Như vậy nhóm Tức Tai, Tăng Ích đã làm đều được Công Đức vô lượng vô biên. Cho đến đánh chạm thân xương với tên của người đã chết sẽ khiến cho người chết lìa các nẻo ác, vãng sinh về cõi Trời. Chân Ngôn là:

Án, tát lý-phộc bá ba, nại hạ na (1) phộc nhật-la hồng, phát tra (2)

OM_ SARVA PĀPA DAHANA VAJRA HŪM PHAṬ

Án, tát lý-phộc bá ba, vĩ du đạt na (1) phộc nhật-la hồng, phát tra (2)

OM_ SARVA PĀPA VIŚODHANA VAJRA HŪM PHAṬ

Án, tát lý-phộc yết lý-ma phộc la noa nễ (1) bạt thấp-di, cô lỗ, hồng, phát tra (2)

OM _ SARVA-KARMA-ĀVARAṆAṆI _ RAŚMI KURU HŪM PHAṬ

Án, bột-long vĩ na xá dĩa, phộc la noa nễ (1) hồng, phát tra (2)

OM _ BHRŪM VINĀŚAYA ĀVARAṆAṆI HŪM PHAṬ

Án, đột-long vĩ du đạt dĩa, a phộc la noa nễ (1) hồng, phát tra (2)

OM _ DRŪM VIŚUDDHĀYA ĀVARAṆAṆI HŪM PHAṬ

Án, nhập-phộc la nhập-phộc la (1) đạt ca đạt ca (2) hạ na hạ na (3) a phộc la noa nễ (4) hồng, phát tra (5)

OM _ JVALA JVALA, DHAKA DHAKA, HANA HANA, ĀVARAṆAṆI HŪM PHAṬ

Án, tốt-long sa la sa la (1) bát-la sa la, bát-la sa la (2) a phộc la noa nễ (3) hồng, phát tra (4)

OM _ TRŪM SARA SARA, PRASARA PRASARA, ĀVARAṆAṆI HŪM PHAṬ

Án, hồng hạ la hạ la (1) tát lý-phộc phộc la noa nễ (2) hồng, phát tra (3)

OM _ HŪM HARA HARA, SARVA ĀVARAṆAṆI HŪM PHAṬ

Án, hồng phát tra, tát lý-phộc a phộc la noa nễ (1) tắc-bổ tra dĩa, hồng, phát tra (3)

OM _ HŪM PHAṬ, SARVA ĀVARAṆAṆI SPHOṬĀYA HŪM PHAṬ

Án, bột-lý ta, bột-lý ta (1) tát lý-phộc phộc la noa nễ (2) hồng, phát tra (3)

OM _ BHRṬA BHRṬA, SARVA ĀVARAṆAṆI HŪM PHAṬ

Án, đát-la tra, đát-la tra (1) tát lý-phộc phộc la noa nễ (2) hồng, đát-la tra (3)

OM _ TRĀṬ TRĀṬ, ĀVARAṆAṆI HŪM TRĀṬ

Án, thân na thân na (1) vĩ nại-la bát dĩa, vĩ nại-la bát dĩa (2) tát lý-phộc a phộc la noa nễ (3) hồng, phát tra (4)

OM _ CCHINDA CCHINDA _ VIDARĀPĀYA VIDARĀPĀYA _ SARVA ĀVARAṆAṆI HŪM PHAṬ

Án, na hạ na hạ (1) tát lý-phộc na la ca, nga để hứ đông, hồng, phát tra (2)

OM _ DAHA DAHA _ SARVA NĀRAKA-GATE HĪTAM _ HŪM PHAṬ

Án, bát tả bát tả (1) tát lý-phộc tất-lệ đa, nga để (2) hứ đông, hồng, phát tra (3)

OM _ PACA PACA _ SARVA PRETA-GATE HĪTAM _ HŪM PHAṬ

Án, ma tha ma tha (1) tát lý-phộc đế lý-dã, nga đế (2) hứ đông, hồng, phát tra (3)

OM _ MATHA MATHA _ SARVA TRYA-GATE HĪTMM _ HŪM PHAT

Lại tụng **Tẩy Trừ Tội Chướng Chân Ngôn**. Lúc tụng Chân Ngôn thời dùng nước của bình Át Già lúc trước rưới vẩy xong thành tẩy trừ tội chướng. Chân Ngôn là:

Án, na mô bà nga phộc đế (1) tát lý-phộc nột lý-nga đế (2) ba lý du đạt na la nhạ dã (3) đát tha nga đả dã (4) a la hạt đế (3) tam miêu cật-tam một đà dã (5) đát nình tha (6) du đạt nễ du đạt nễ (7) tát lý-phộc bá ba, vĩ du đạt nễ (8) truật đề , vĩ truật đề (9) tát lý-phộc yết lý-ma, phộc la noa (10) vĩ truật đề, sa-phộc hạ (11)

OM NAMO BHAGAVATE SARVA-DURGATE-PARISODHANA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDHĀYA

TADYATHĀ: ŚODHANE ŚODHANE, SARVA- PĀPA VIŚODHANE, ŚUDDHE VIŚUDDHE, SARVA- KARMA- ĀVARAṆA VIŚUDDHE, SVĀHĀ.

Tụng Chân Ngôn này xong. Nếu vì người đã chết nên lại cùng tụng Chân Ngôn của nhóm **Chuyển Sinh Tịnh Độ** với **Tịnh Đạo**. Nếu vì việc Tăng Ích Cát Tường với Quán Đỉnh tức chẳng được dùng.

Chuyển Sinh Tịnh Độ Chân Ngôn là:

Án, la đát-nễ, la đát-nễ (1) la đát-na tam bà vi (2) la đát-na chỉ la ni (3) la đát-na ma la vĩ truật đề (4) du đạt dã, tát lý-phộc bá bang (5) hồng, đát-la tra (6)

OM _ RATNE RATNE, RATNA-SAMBHAVE , RATNA KĪRAṆI, RATNA-MĀLA VIŚUDDHE ŚODHĀYA, SARVA PĀPAM HŪM TRĀT

Tịnh Đạo Chân Ngôn là:

Án, bát nột-di, bát nột-di (1) bát nột-mô nột-bà vi (2) tô kha phộc đát-dương nga xán đồ, sa-phộc hạ (3)

OM _ PADME PADME PADMODBHAVE SUKHA-VATIYĀMGA YAMTU SVĀHĀ

Lại nữa như trên xây dựng Đàn trì tụng, cầu việc của nhóm Tứ Tai, Tăng Ích, Cát Tường thì cần phải một ngày ba thời dùng hương, hoa với mọi thứ vật cúng cúng dường Mạn Noa La, chư Phật, Hiền Thánh với dùng **Cát Tường Tán Thán** phụng tán chư Phật Hiền Thánh, chuyên tâm chẳng lười biếng. Hoặc ba ngày hoặc năm ngày hoặc tám ngày xong rồi mới làm Hộ Ma câu mọi loại Nguyện.

Nếu vì Đệ Tử trao truyền Quán Đỉnh. Tức nên ở đất đặt bình Át Già, vẽ hoa sen trắng, trong hoa vẽ bánh xe có tám căm. Ở chính giữa bánh xe lại để cái bình Át Già màu trắng, trong bình chứa đầy năm thứ báu, năm loại thuốc, mọi loại vật rồi tác **Sái Tịnh Thủy** (dùng nước Ngũ Tịnh rưới vẩy làm cho sạch), lại dùng Bản Chân Ngôn gia trì. Sau đó y theo Pháp dẫn Đệ Tử vào Mạn Noa La trao cho Quán Đỉnh, lại ban cho nhóm Diệu Pháp. Cho đến y theo Pháp tác Quán tương ứng, tưởng chúng sinh ở tất cả nẻo ác trong Luân Hồi đều được Mộc Dục (tắm gội) diệt hết tội nghiệp, thành thân công đức , chuyển sinh vào Trời Đạo Lợi hoặc Trời Đâu Suất.

Tiếp lại nói bình Át Già, nên dùng lụa màu trắng che phủ miệng bình dài đến cổ bình, bụng bình chứa đầy nước thơm, cắm mọi cành cây có hoa quả với chứa đầy năm thứ báu, năm thứ thuốc , năm loại lúa gạo (ngũ cốc) ... bày cỗ Cát Tường màu

xanh rồi để bình lên trên, dùng một cái áo màu xanh cột buộc cổ bình. Đây là Pháp của cái Bình

Nếu làm Hộ Ma. Nên ở cửa Đông của Mạn Noa La , như vậy để cái bình với bên trên treo dù lông màu trắng, vòng hoa...Lại ở bốn mặt bày **Ngũ Thủ Phan** (?cây cờ hiệu có năm đầu) . Ở phía trước làm lò Hộ Ma, lò rộng dài hai khuỷu tay , bên dưới đến một khuỷu tay. Cao thấp, sâu cạn, nhan sắc, tiêu xí đều y theo Pháp Tắc của Đại Giáo căn bản.

Vật dùng để Hộ Ma là: Tất Lợi Dương Ngu Hương, Long Hoa, Cát Tường Quả với mọi thứ quả, mè đen, Đại Mạch, Tiểu Mạch, Gạo tẻ, cơm, bơ, Mật, Lạc, sữa, củi ẩm ướt... Đây đủ các vật như vậy xong, A Xà Lê cầm chuông, chày Kim Cương đề trên các vật đều dùng Bản Chân Ngôn gia trì 108 biến. An đặt Tượng, mừng khen (Khánh Tán) cũng đồng với Nghi này.

Như vậy các vật dùng để Hộ Ma đều để bên phải lò Hộ Ma, chỉ có các bát Xuất Sinh thì để bên trái lò. A Xà Lê y theo Pháp làm ba Quán tương ứng, sau đó đem nước sạch rưới vảy lò. Làm Sái Tịnh xong , liền nhóm lửa ở bên trong lò, được lửa cháy rực rồi lại dùng nước Ất Già rưới nhỏ nhiệm vào lửa nóng

Sau đó A Xà Lê kết Ấn, tụng Chân Ngôn thỉnh triệu **Hỏa Thiên**, tướng Hỏa Thiên hiện ở bên trong lửa. Rồi dùng bơ, Mật, Lạc với vật hiến Hỏa Thiên, ném ba lần vào trong lửa, tụng Chân Ngôn hiến dâng Hỏa Thiên.

Sau đó kết **Kim Cương Luân Ấn**. Hai tay tác Kim Cương Quyền, lại sửa làm Kim Cương Phộc thì thành Ấn, kèm tụng **Kim Cương Luân Chân Ngôn** là:

Ấn, tát lý-phộc vĩ đốt (1) phộc nhật-la tác cật-lê, tát diệt để hồng, phộc xa, phộc nhật-la tát ma nhĩ na (3) phộc nhật-la tha tra, vĩ mô xoa nại (4) nhược, hồng, tông, hô (5)

OM_ SARVA-VID VAJRA-CAKRE SIDDHYATI HŪM_ VASA VAJRA-SAMA-JINA VAJRA-CHATAKA VIMOKṢAṆE_ JAḤ HŪM VAM HOḤ

Lúc kết Ấn tụng Chân Ngôn thời tâm tướng Mạn Noa La hiện ở trong lò, chư Phật Bồ Tát thấy đều hiện trước mặt. A Xà Lê tức bèn chỉ đem mọi thứ vật Hộ Ma tác 108 Tốt Lỗ Phộc

Nếu duy nhất dùng bơ thì chỉ ném bảy Tốt Lỗ Phộc. Như vậy cúng dường chư Phật Hiền Thánh với làm tám Cúng Dường của nhóm **Hý, Man, Ca, Vũ** cho đến làm 25 loại Cúng Dường.

A Xà Lê như vậy tác Quán Tướng Mạn Noa La với mọi loại Pháp Hộ Ma. Hoặc vì Quốc Vương, Đại Thần, Sĩ Thứ, Đệ Tử thì nên tùy theo việc mong cầu lợi ích chúng sinh cho đến tùy vui thấy nghe đều được vô lượng Công Đức.

PHẬT NÓI KINH
ĐẠI THỪA QUÁN TƯỚNG MẠN NOA LA TỊNH CÁC NỂO ÁC
QUYÊN HẠ (Hết)

Hiệu chỉnh xong một bộ gồm hai quyển vào ngày 27/06/2015